

MỘT NGƯỜI NGHÈO LẠ

Truyện cổ Phật giáo

Trích Truyện Cổ Phật Giáo – Tập 1,
Minh Chiêu sưu tập



Chàng nghèo thật hết chỗ nói, cả sự nghiệp của chàng chỉ có một bà mẹ già mà thôi.

Lâu lắm người ta mới biểu cho chàng một cái búa để đền ơn cứu sống một em bé chết đuối.

Được búa, chàng đưa mẹ vào núi, tìm một hang đá, chàng lót rơm êm và có gió mát để mẹ ăn ở; như thế chàng an tâm lắm. Ngày ngày đi kiếm củi rồi về chợ đổi gạo, mặc dù ít tiền, chàng vẫn mua được thịt để mẹ xơi. Tu Lại, tên chàng chẳng những lan rộng với chữ hiếu, mà người ta còn gọi chàng là tráng sĩ, vì chàng thường giúp đỡ nhân dân trong vùng ấy, bất luận gặp một tai nạn gì, chàng thường giúp đỡ họ tận lực.

Vì chàng ở núi, nên người ta đặt chàng những món tiền lớn để bắt các thú rừng hiền lành như: nai, khỉ, chồn, thỏ v.v.. Tu Lại từ chối vì chàng là một Phật tử chơn chánh, không bao giờ giết một sinh vật nào dù nhỏ. Chẳng những chàng không bắt chúng mà còn yêu mến chúng nữa, nên lâu ngày chúng quen và thường gần đến chỗ hai mẹ con chàng ở. Cái hang ấy bây giờ thành vui, hoa lạ nở hai bên, những tổ chim làm gần gũi đó.

Có những đêm trăng sáng, mẹ chàng niệm Phật, chàng ngồi một bên kết máy thứ cỏ khô làm thành áo để mặc mùa đông.

Nhưng đã sáu ngày nay, trời mưa luôn không ngớt, gạo trong hang đã hầu cạn, chàng lo ngại, nếu mưa cứ kéo dài. Hôm nay trời bùng sáng, Tu Lại sung sướng quá, chàng chào mẹ rồi vác búa ra đi, đến chỗ thường đốn củi, thì xa xa có bóng ba thiếu nữ. Thấy có người, ba bóng kia bỏ đi nơi khác. Chàng để bầu nước xuống và sửa soạn vào việc thì ô thật, một chiếc kim thoa óng ánh nằm ngã nghiêng bên tảng đá, không còn nghi gì nữa, chàng vội nhặt lấy, rồi chạy theo ba thiếu nữ kia trả lại cho họ, người ta nhìn chàng với cặp mắt cảm trọng. Nhưng người tráng sĩ không trả ân bằng tiền gạo được, vì người ta biết tiếng chàng nhiều lắm. Nhưng, từ đó ấy đến sau, nơi hang mẹ chàng thỉnh thoảng có người đem biếu gạo trắng, thịt ngon, trong lúc chàng đi làm củi vắng, cứ thế, rồi một ngày kia...

Một sáng mai khi chàng còn mơ màng chưa tỉnh hẳn, thì có một nàng tiên đến ngồi bên chàng, nàng tiên ấy trên trời sa xuống lâu hay mau không biết, hồi nào không hay, nhưng nàng là tiên thật, vì nàng đẹp quá. Một tấm ‘voan’ màu nước biển phủ nhẹ toàn thân, trên mái tóc xanh là một tràng hoa tươi. Chàng phải ngượng với bộ áo sơ sài của mình. Tu Lại lại ngồi phất dậy: “Nàng là ai? Sao lại đến đây?”

- Thiếp là sương phụ đánh rơi chiếc

kim thoa hôm nọ, được tráng sĩ cho lại, về nhà thiếp suy nghĩ: “Ở đời giàu sang không phải chơn hạnh phúc, được gần bậc hiền nhân mới chắc chắn sống một lối sống của con người biết sống! Thiếp nay giàu có, của cải dư dật, cha mẹ không, chồng chết, chỉ có hai con thơ, nay thiếp đến đây nguyện theo chàng, mong chàng đừng phụ, thiếp xin thay chàng hầu hạ mẹ già, và giúp chàng học hành để thành danh đức, hầu sau làm lợi ích cho đời, nếu chàng cố chấp không nghe, thiếp rất tiếc tài ba đức độ của chàng vùi sâu trong hang thẳm”.

Tiếng nàng trong và êm quá, trong như tiếng suối chảy, êm như tiếng chim kêu, nàng nói với một vẻ thiết tha thành thật. Câu chuyện mới các cố làm sao, mỗi lời nói của nàng như rót vào tai tráng sĩ.

Tu Lại mơ màng như người trong mộng. Chàng suy nghĩ: “Không biết ta chiêm bao hay thật, mà nàng là người thật hay ma”. Bỗng chàng nghiêm nét mặt và bảo: “Tôi xem nàng là người đoan chính lại giàu sang là do phước báo của đời trước đã gây tốt nhiều, còn tôi chỉ là một kẻ nghèo khổ làm sao xứng đáng với nàng và, theo tôi, một người sương phụ cần phải thờ chồng, nuôi con, dạy vẽ cho con nên người, xứng với ý nghĩa con người mới phải. Thiết thật hơn, tôi nay còn mẹ già, nếu tôi lập gia

đình, tình yêu mẹ sẽ san sớt, nàng còn có con thơ, nếu nàng lập gia đình, tình yêu con sẽ không còn nguyên vẹn, mẹ tôi cần có tôi mới vui, con nàng cần có nàng mới sống. Vì vậy, tôi khuyên nàng trở về nuôi con và dứt bỏ câu chuyện này. Còn nàng sợ đức độ tài ba của tôi sẽ mai một, nếu tôi quả có đức độ như nàng tặng, thì trong rừng sâu các loài cầm thú cũng cần có đức độ để che chở cho chúng, như thế có đức độ thì ở đâu mà lại không dùng được?

Nàng tiên ấy bay đi, trời đương sáng bỗng tối hẳn, người tráng sĩ cũng thấy nao nao trong lòng, nhưng rồi chàng lại vui lên nhiều, vì chàng đã chiến thắng. Song không hiểu vì sao, những chuyện kỳ lạ lại hay đến với người nghèo lạ ấy.

Một hôm, có một người lạ mặt hồi hoảng chạy đến, lôi ra một thoi vàng thắm, rồi thưa với Tu Lại: “Thưa tráng sĩ, tôi xin biếu chút quà mọn này, nhờ tráng sĩ giúp cho tôi một lời nói. Ngày mai đây, nếu có ai hỏi: Có một đoàn người đi qua đây không? Thì tráng sĩ nói cho một tiếng ‘có’, ở đây chỉ có tráng sĩ và tôi, ngoài ra không còn ai hay chuyện này cả; vả lại tráng sĩ chỉ nói cho một tiếng cũng không sao”. Nói xong, người bỏ vàng lại đó, rồi chạy mất, Tu Lại chưa kịp suy nghĩ gì cả, nhưng chàng vội lượm vàng rồi chạy theo thật nhanh mới kịp. Tu Lại kéo tay người kia: “Không, không, vàng ông hãy cầm lấy, tôi không thể theo lời ông được, tôi là một Phật tử, không bao giờ làm việc ám muội, một lời nói của người quân tử trọng hơn nghìn vàng, nhưng một lời nói còn trọng hơn cả thân mạng, nếu ông đem nghìn vàng hay dùng uy thế hại đến mạng tôi, bảo tôi nói dối, tà chết chứ không bao giờ phạm giới cấm của Phật”, nói xong Tu Lại bỏ vàng rồi chạy thẳng.

Tiếng tốt của người tráng sĩ bay xa

như ngọn gió mát, vô tình thổi từ rừng sâu vào đến thâm cung. A Dục Vương là người hiếu kỳ, muốn thử chàng, nên những chuyện bỏ rơi kim thoa và người con gái đến tận hang chàng chính là cung nơnh của Vua A Dục. Sau mấy lần thử thách, nhà vua biết Tu Lại là bậc hiền nhân nên đem lòng đổ kỹ sai người đến hại chàng. “Tôi vâng lệnh nhà vua đến giết tráng sĩ”, người đao phủ cầm gươm sáng bảo thế.

- Ô, thế thì tốt quá, tôi rất cảm ơn Ngài đã vì tôi mà hủy giùm cái thân ô uế đầy tội lỗi này. Song tôi còn chút mẹ già nhờ ngài chiếu cố cho...Tên đao phủ ngạc nhiên trước thái độ thản nhiên của Tu Lại.

- Ông là người vô tội, nhà vua vì lòng đổ kỹ sai tôi đến hại ông, vậy ông không giận nhà vua sao?

- Không, tôi không giận mà còn thương hại nhà vua đã gây nhiều nghiệp ác, trước khi chết tôi xin cầu đức Phật cho nhà vua phát Bồ đề tâm hồi hướng thiện niệm.

Tên đao phủ mím môi, đỏ mặt đưa gươm lên cao xán xuống đầu chàng... nhưng lưỡi gươm kia xuống từ từ rồi chui thẳng vào vỏ kiếm...

Sáng hôm sau, vua A Dục lên tận hang chàng ở, đến nơi, chàng đi làm củi sớm, vua chờ trọn ngày mới gặp. Vua A Dục mừng rỡ từ tốn bảo: “Trẫm làm vua, trong nước có hiền tài mà Trẫm biết



chậm, thật là đáng tiếc! Ngày nay, nước nhà loạn lạc, Trẫm mong tráng sĩ về triều cùng Trẫm chăm lo việc nước, được vậy thật là hạnh phúc cho nhân dân”. Chàng từ chối năm bảy dạo, vua nài nỉ đôi ba phen, cuối cùng chàng hẹn trong bảy ngày sẽ trả lời.

Trong bảy ngày, ba lần vua đến thăm, ba lần vua cho người lên thăm hỏi. Tu Lại hỏi ý kiến mẹ, mẹ chàng bảo: “Hiện nay, mẹ nghe trong nước, nhà vua thì lãng mạn, hoang hung, hà khắc dân tình, nhân dân oán thán đến nỗi họ đặt tên nhà vua là Chiên Đà La A Dục (ông vua hung tợn như người hàng thịt). Triều đình thì nịnh thần ô lại; ngoài thì cha hung tàn, con nghịch, vợ bất chánh, chồng bất lương...đạo đức hầu như mất hẳn, tất cả tâm niệm xấu xa độc ác kết hợp lại, do đó giặc cướp nổi lung tung Con nay chấp kinh cũng phải tùng quyền, vậy nhân cơ hội này, con có dịp đem giáo lý của đức Phật để cảm hóa quần sanh hầu mong cứu vãn nhân tâm, đưa lại sự an ninh cho nhân loại”.

Vâng lời mẹ, Tu Lại về triều, vua A Dục lấy hai chữ Quốc Bửu (vật quý của nước) tặng chàng làm tên.

Trước hết Quốc Bửu đem ba pháp quy y, năm điều cấm giới cảm hóa vua. Vua A Dục từ khi biết quy đầu về Phật, không bao lâu trở thành một vị minh quân. Ông đổi hẳn chính sách, lấy đức độ trị dân, không dùng oai thế tàn bạo như trước nữa. Vì thế mà nhân dân trong nước trở lại cảm phục vua, từ đó họ đặt tên nhà vua là Thích Ca A Dục (ông vua hay làm điều nhân từ).

Trong nước nhà vua trọng những người hiền hiếu, trừng trị kẻ hoang dâm, cấm hẳn sự xa hoa, cờ bạc, săn bắn, triệt để không rượu chè đàng điếm, người già cả bệnh hoạn được săn sóc chu đáo, nhà nhà đều thờ Phật, trọng Tăng, tu pháp Thập Thiện. Nếu ai phạm một trong năm

điều răn phải bị trục xuất ra khỏi nước. Nhờ vậy, không bao lâu, trong nước trở lại thái bình, an lạc.

Thuật giả *Thế Quán*

“Thắng lợi chơn chánh là ở Phật giáo chứ không phải vũ khí”

A Dục

Lời bàn:

Trong suốt câu chuyện kể trên, chúng tôi rút ra được rất nhiều bài học Phật pháp.

Bài học thứ 1 là thiếu đức tri túc: Thật vậy, nhân vật chính của truyện là Tu Lại, một anh chàng nghèo khổ rách áo ôm, theo lẽ thường, như bao người khác hay làm, là anh phải than thở, oán trời trách đất và lấy làm khổ sở về cái nghèo của mình. Đằng này không, chàng “tìm một hang đá, lót rơm êm và có gió mát để mẹ ăn ở; như thế chàng an tâm lắm”. Ôi, phải chi ai cũng hiểu được thấu đáo lời dạy này của Phật và thực hành theo như chàng thì thế gian này làm gì còn trộm cướp, chiến tranh, chà đạp lên nhau để tranh giành quyền lợi, địa vị!

Bài học thứ 2 là chữ Hiếu. Tài sản của chàng duy nhất chỉ một chiếc búa dùng để làm phương tiện sanh nhai, ấy vậy mà “mặc dù ít tiền, chàng vẫn mua được thịt để mẹ xơi”.

Bài học thứ 3 là thực hành hạnh Bồ Thí Ba la mật. Mặc dù chàng nghèo, không có tiền để bố thí tịnh tài cho ai, nhưng “chàng thường giúp đỡ nhân dân trong vùng, bất luận gặp một tai nạn gì, chàng thường giúp đỡ họ tận lực”, và tuyệt nhiên không hề nghĩ đến chuyện báo ân, và cũng không nghĩ rằng mình đã giúp người. Pháp tu này không phải dễ thực hiện, chỉ có những bậc Bồ Tát mới thực hành nổi. Vì thông thường phàm phu

chúng ta khi giúp được ai điều gì, thì thường hay nhớ nghĩ đến, thậm chí có người còn kể ơn nữa.

Bài học thứ 4 là Tâm Từ Bi và tinh thần giữ giới kiên định. “Vì chàng ở núi, nên người ta đặt chàng những món tiền lớn để bắt các thú rừng hiền lành như: nai, khỉ, chồn, thỏ v.v.. Tu Lại từ chối vì chàng là một Phật tử chơn chánh, không bao giờ giết một sinh vật nào dù nhỏ”. Điều làm chúng ta khâm phục chàng là tuy nghèo nhưng chàng không tham. Kể ra chàng có thể vượt qua cảnh nghèo của chàng một cách rất dễ dàng, nếu chàng nhận lời giết hại thú rừng, nhưng, ngược lại, chàng không làm vậy, thà chàng chấp nhận và vui với cảnh nghèo để giữ tròn cấm giới của Phật, đồng thời nuôi dưỡng lòng từ bi đối với mọi loài chúng sanh. Thật là hiếm có trong đời!

Có lẽ chàng được sinh ra để liên tiếp nhận chịu thử thách. Ít lâu sau, lại có dịp để thử thách lòng tham của chàng. Một hôm, chàng đi đón củi thì “một chiếc kim thoa óng ánh nằm ngả nghiêng bên tảng đá, không còn nghi gì nữa, chàng vội nhặt lấy, rồi chạy theo ba thiếu nữ kia trả lại cho họ”.

Tuy nhiên, chưa hết, có một lần, chàng lại còn từ chối, không chịu phạm giới vọng ngữ mặc dù được mua chuộc bằng vàng.

Và cuối cùng, chàng phải chịu một thử thách to lớn nhất mà biết bao anh hùng đã phải ngã gục, đầu hàng! Đó là nữ sắc.

“Một sớm mai, khi chàng còn mơ màng, chưa tỉnh hẳn, thì có một nàng tiên đến ngồi bên chàng”. Về thân thế, nàng tự khai là sương phụ “giàu có, của cải dư dật, cha mẹ không, chồng chết, chỉ có hai con thơ, nay thiếp đến đây nguyện theo chàng, mong chàng đừng phụ”. Ôi! Một hoàn cảnh thật là lý tưởng mà biết bao người mơ ước nhưng

không được. Ấy vậy mà chàng từ chối với lý do “một người sương phụ cần phải thờ chồng, nuôi con, dạy về cho con nên người”. “Tôi nay còn mẹ già, nếu tôi lập gia đình, tình yêu mẹ sẽ san sớt, nàng còn có con thơ, nếu nàng lập gia đình, tình yêu con sẽ không còn nguyên vẹn”. Ôi thật là dũng cảm! Khi xưa Nả Phá Luân Đại Đế mà còn phải lụy vì tình, ấy vậy mà một chàng tiêu phu trẻ tuổi, thân thể cường tráng, căng đầy nhựa sống, mà lại có can đảm từ chối sự mời gọi của giai nhân! Thật quả là một việc phi thường, rất đáng khâm phục!

Sau cùng, chàng lại còn phải chịu thêm một sự thử thách nữa về tinh thần bất khuất, vô úy, khi bị Vua A Dục sai người mưu sát chàng.

Có lẽ, vua A Dục cảm thấy thử thách chàng như vậy cũng đã quá đủ rồi, nên cuối cùng Vua đích thân năm lần bảy lượt đến nơi chàng ở để triệu thỉnh chàng về cung, trọng dụng chàng như một hiền tài, ban tặng cho chàng hai chữ ‘Quốc Bửu’ làm tên. Và chàng cũng không bỏ lỡ cơ hội đem Phật pháp ra để cảm hóa nhà vua; biến nhà vua từ một ông vua ‘Chiên Đà La A Dục’ thành một vị minh quân, lấy đức độ trị dân, và được dân trong nước đặt tên là ‘Thích Ca A Dục’.

Để kết luận, nếu trên cuộc đời ô trọc này, ai cũng sống được như Tu Lại, thì lo gì nước không giàu, dân không mạnh, muôn dân được hưởng thái bình an lạc, nhà nhà an vui, nơi nơi hạnh phúc, mọi người biết thương yêu nhau, đùm bọc nhau như ruột thịt một nhà; lúc đó chúng ta xem như đã được vãng sanh Cực Lạc quốc rồi, đâu cần gì phải đợi đến lúc lâm chung!!!

Phước Thanh